

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2018.

V/v: “*tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà VHồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Quang Vinh
2. Ông Trương Minh Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 502/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 102 Thôn T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ.

*Bị đơn:* Ông Trần Ngọc Ch, sinh năm 1991.

Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố Đ, tỉnh L.

(Bà V có mặt, ông Ch có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc Ch lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lg vào ngày 18/01/2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong quá trình chung sống với gia đình chồng bà cảm thấy bị gò bó, không có sự tự do ngôn luận, mẹ chồng không đồng cảm với con dâu, đôi khi còn tác động đến chồng bà dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, hiện nay hai ông bà đã sống ly thân. Bà xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Trần Ngọc Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 05/6/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với ông Ch, khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Theo biên bản lấy lời khai ông Trần Ngọc Ch trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh V lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L vào ngày 18/6/2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà V ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây mâu thuẫn trong gia đình. Hiện nay bà V đã bỏ nhà đi, vì vậy theo yêu cầu xin ly hôn của bà V thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 05/6/2016, bà V bỏ đi để lại con cho ông nuôi dưỡng nên khi giải quyết ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi thành niên, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Ngọc Ch có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, nguyên đơn, bị đơn và thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 68, 96 và 97 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đang sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Trần Ngọc Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, xử cho bà V và ông Ch được ly hôn, giao con chung Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 05/6/2016 cho ông Ch trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành, bà V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung thành niên, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2018.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V với bị đơn ông Trần Ngọc Ch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc Ch đã có biên bản lấy lời khai, đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử tại tòa án nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Ch là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình chung sống giữa bà V và ông Ch thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay không còn chung sống với nhau, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được và ông Ch cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét

thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Trần Ngọc Ch mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn với ông Ch là phù hợp và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Bà V và ông Ch có 01 con chung tên Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 05/6/2016, ông Ch có nguyện vọng được nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay con chung đang có cuộc sống ổn định với ông Ch và bà V cũng đồng ý giao con cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy cần giao cháu Bảo cho ông Ch tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Ch không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phiên tòa bà V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi con chung thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có

*Về án phí:* Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với ông Trần Ngọc Ch.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần Ngọc Gia B, sinh ngày 05/6/2016 cho ông Trần Ngọc Ch trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Thanh V cấp dưỡng nuôi con chung Trần Ngọc Gia B 2.000.000đ

(hai triệu đồng)/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0008362 ngày 31/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà V còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bà Nguyễn Thị Thanh V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, ông Trần Ngọc Ch vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS thành phố Đà Lạt;
- THADS thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;;
- UBND xã T,  
huyện Đ, L.
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Hồng**